Mẫu CBTT/SGDHCM - 02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGĐ SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /CV-HĐQT-VCA *V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2023.*	*Biên Hòa, ngày 09 tháng 03 năm 2024*

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.**

1. Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thép VICASA – VNSTEEL**
2. Mã chứng khoán: **VCA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
5. Người thực hiện công bố thông tin:
   Bà Trương Thị Kim Anh; Chức vụ: Phụ trách kế toán, Trưởng Phòng TCKT; Điện thoại: 0903850192
6. Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.**
8. Địa chỉ Website đăng tải nội dung thông tin công bố: https://vicasasteel.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người được ủy quyền CBTT

Trương Thị Kim Anh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HĐQT Cty.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
Ký ngày: 9/3/2024 14:46:17

Phụ lục số IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Số: 04 /BC-HĐQT-VCA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

NĂM 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com;**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

* Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

* Quyết định số 891/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc: Chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần thép VICASA – VNSTEEL tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán
  + Sản phẩm phôi thép
- **Địa bàn kinh doanh:** + Thành phố Hồ Chí Minh
  + Bà Rịa - Vũng Tàu
  + Nha Trang
  + Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

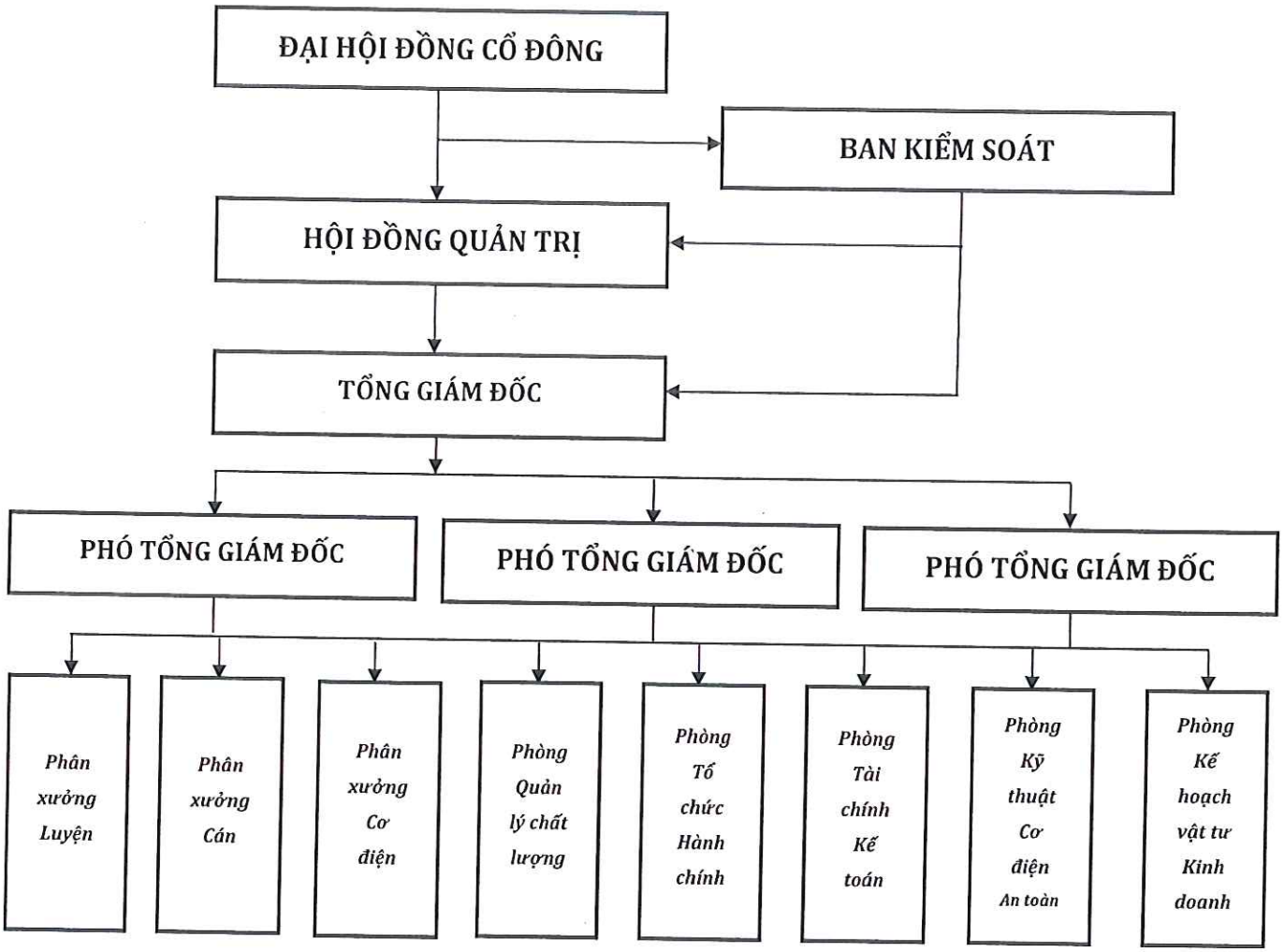

- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:**

+ Đại hội đồng Cổ đông;
+ Hội đồng Quản trị;
+ Ban Kiểm soát;
+ Ban Tổng Giám đốc;
+ Các phòng chuyên môn;

+ Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

1. Ông Nguyễn Xuân Sơn Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Bảo Giang Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Ông Nguyễn Phước Hải Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Nguyễn Bạch Đường Thành viên BKS
3. Ông Đặng Minh Đức Thành viên BKS.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 02 phó Tổng Giám đốc:

+ Ông Huỳnh Công Du Tổng giám Đốc

+ Ông Vương Thanh Đường Phó Tổng Giám đốc

+ Ông Hoàng Đức Hoa Phó Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán: Bà Trương Thị Kim Anh.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

+ Phòng Tổ chức Hành chính: Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng

+ Phòng Tài chính Kế toán Bà Trương Thị Kim Anh: Trưởng phòng

+ Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh Ông Hoàng Đức Hoa: Trưởng phòng

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng

+ Phòng Quản lý Chất lượng Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng

+ Phân xưởng Luyện Ông Nguyễn Tiến Cường: Quản đốc

+ Phân xưởng Cán Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc

+ Phân xưởng Cơ điện Ông Phạm Xuân Phong: Quản đốc.

– **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2023** (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023) như sau:

+ Kế hoạch sản xuất:

Sản lượng phôi thép: 130.000 tấn.

Sản lượng thép cán: 125.000 tấn.

+ Doanh thu: 1.789 tỷ đồng.

+ Kế hoạch tiêu thụ:

Tiêu thụ thép cán: 125.000 tấn.

+ Lợi nhuận trước thuế: 12.000 triệu đồng.

+ Cổ tức: 3%

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Các yếu tố rủi ro hiện nay tác động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty bao gồm:

- Cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina đã kéo dài và hiện tại chưa kết thúc.

- Nhu cầu đối với mặt hàng thép trên thế giới suy yếu, thị trường xuất khẩu không thuận lợi do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu tiêu thụ trong nước sụt giảm, các dự án đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn.

- Chính sách tài chính tiền tệ như thắt chặt tín dụng, lãi suất vay vẫn ở mức cao,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của ngành thép.

- Tuy nhiên, hiện nay giá thép và nguyên vật liệu thô ổn định hơn, có thể giúp ổn định và mang lại hiệu quả trong SXKD cho các công ty thép trong năm 2024. Chính sách của chính

phủ về việc tăng vốn đầu tư công có thể giúp bù đắp 1 phần nhu cầu thép giảm từ kênh dân dụng.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2023

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với kế hoạch 2023
I	**Sản xuất:**						
1	- Phôi thép	Tấn	143.988	130.000	124.953	86,78	96,12
2	- Thép cán	Tấn	129.236	125.000	94.361	73,01	75,49
II	**Tiêu thụ sản phẩm chính:**						
1	- Phôi thép	Tấn	12.708	-	29.795	234,46	
2	- Thép cán	Tấn	133.440	125.000	93.672	70,20	74,94
III	**Doanh thu**	**Tỷ đồng**	**2.335**	**1.789**	**1.725**	**73,88**	**96,42**
IV	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**(4,977)**	**12,000**	**8,942**	**279,67**	**74,51**
V	**Cổ tức**	**%**	**-**	**3**	**-**	**-**	**-**

- Sản lượng sản xuất phôi thép đạt 96,12% kế hoạch năm.
- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 75,49% kế hoạch năm.
- Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 74,94% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 8,942 tỷ đồng, không đạt so với kế hoạch.

Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2023 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn do nhiều yếu tố khách quan, đạt được kết quả trên là thành quả rất đáng ghi nhận, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường, đồng thời cố gắng đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho Người lao động.

– Công tác an toàn vệ sinh môi trường:

+ Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ các nhóm 1, 3, 4 cho CBCNV theo Nghị định 44/NĐ-CP năm 2016 của Chính phủ.

+ Triển khai kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

+ Tiếp tục triển khai việc đọc quy trình quy định an toàn đầu giờ cho các ca sản xuất tại các đơn vị.

+ Tổ chức tự kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị.

+ Triển khai đo tiếp địa, chống sét tại 03 khu vực: Trạm gas LPG, trạm xăng dầu, trạm Oxy.

+ Triển khai làm tốt công tác phòng chống lụt bão.

+ Tổ chức huấn luyện an toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Thường xuyên tự kiểm tra phương tiện chữa cháy. Thường xuyên kiểm tra vận hành bơm chữa cháy. Tiến hành nạp, sửa chữa bình chữa cháy, trang bị, bổ sung thêm các phương tiện PCCC & CHCN.

+ Triển khai tập huấn và tham gia Hội thao PCCC do Công an tỉnh Đồng Nai tổ chức.

+ Triển khai chế tạo và lắp đặt tháp làm mát hệ thống xử lý khí thải.

+ Tổ chức chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng xử lý.

+ Tiếp tục triển khai đánh gia rủi ro tại các đơn vị. Trong năm 2023, đã tiến hành đánh giá rủi ro tại 18 khu vực trong Công ty.

+ Triển khai đo giám sát môi trường định kỳ hàng quý theo quy định.

+ Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN.

+ Đã triển khai và được cấp giấy phép an toàn sản xuất hóa chất (Oxy).

- Công tác tổ chức lao động, tiền lương:

+ Số lao động đến ngày 31/12/2023: 310 người. Lao động bình quân trong năm: 315 người/tháng.

+ Số lao động giảm so với đầu năm là: 21 lao động. Nghỉ hưu: 01 người, chuyển công tác: 02 người, nghỉ việc: 18 người.

+ Số lao động được tuyển dụng trong năm: 08 người.

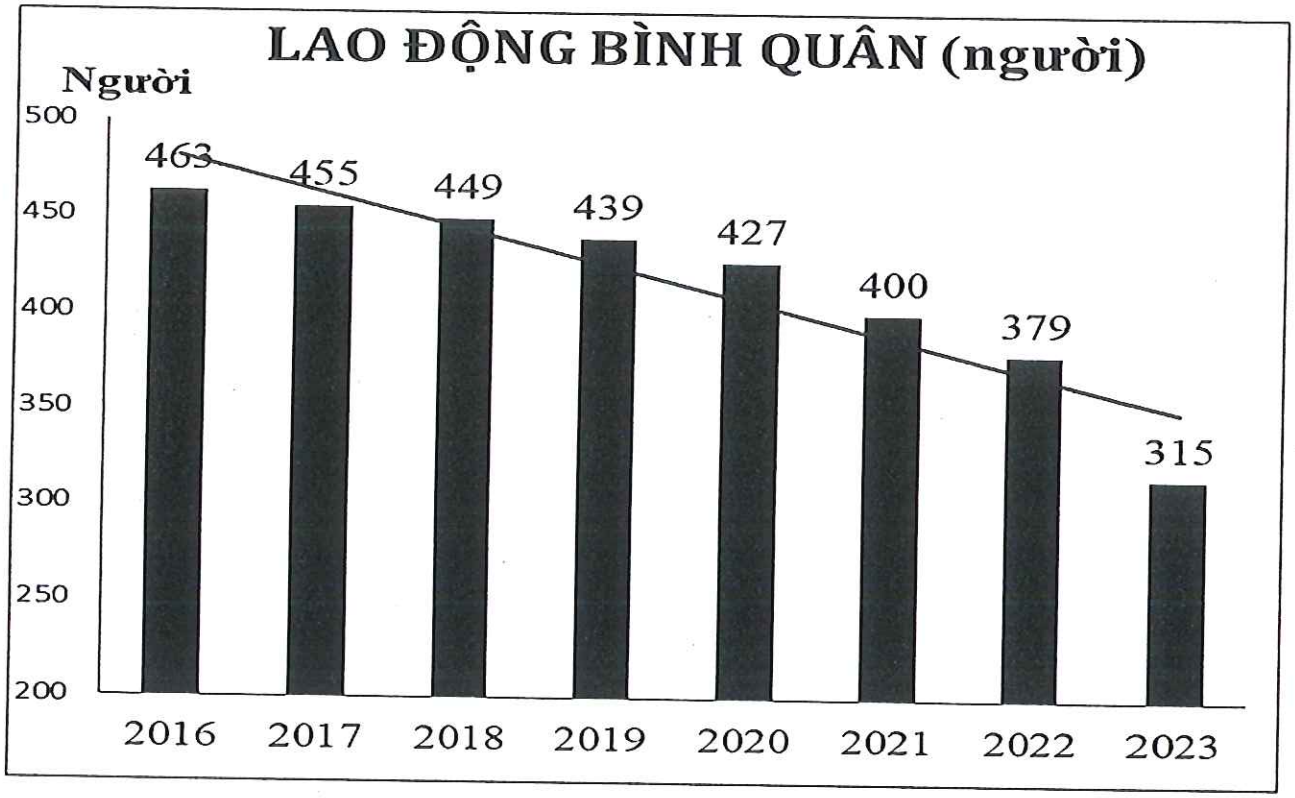

+ Tiếp tục sắp xếp lại lao động: Thực hiện rà soát, chuyển 09 lao động của PX. Cán sang các đơn vị khác để đảm bảo việc làm và thu nhập của Người lao động trong Công ty.

+ Thực hiện công tác bổ nhiệm 02 cán bộ: 01 cán bộ giữ chức Quản đốc PX. Luyện; 01 cán bộ giữ chức vụ Q. Trưởng Phòng TCKT, phụ trách kế toán Công ty.

+ Mức thu nhập bình quân (bao gồm lương, thưởng, BHXH trả thay lương....) của CBCNV năm 2023 là: 17,88 triệu đồng/người/tháng.

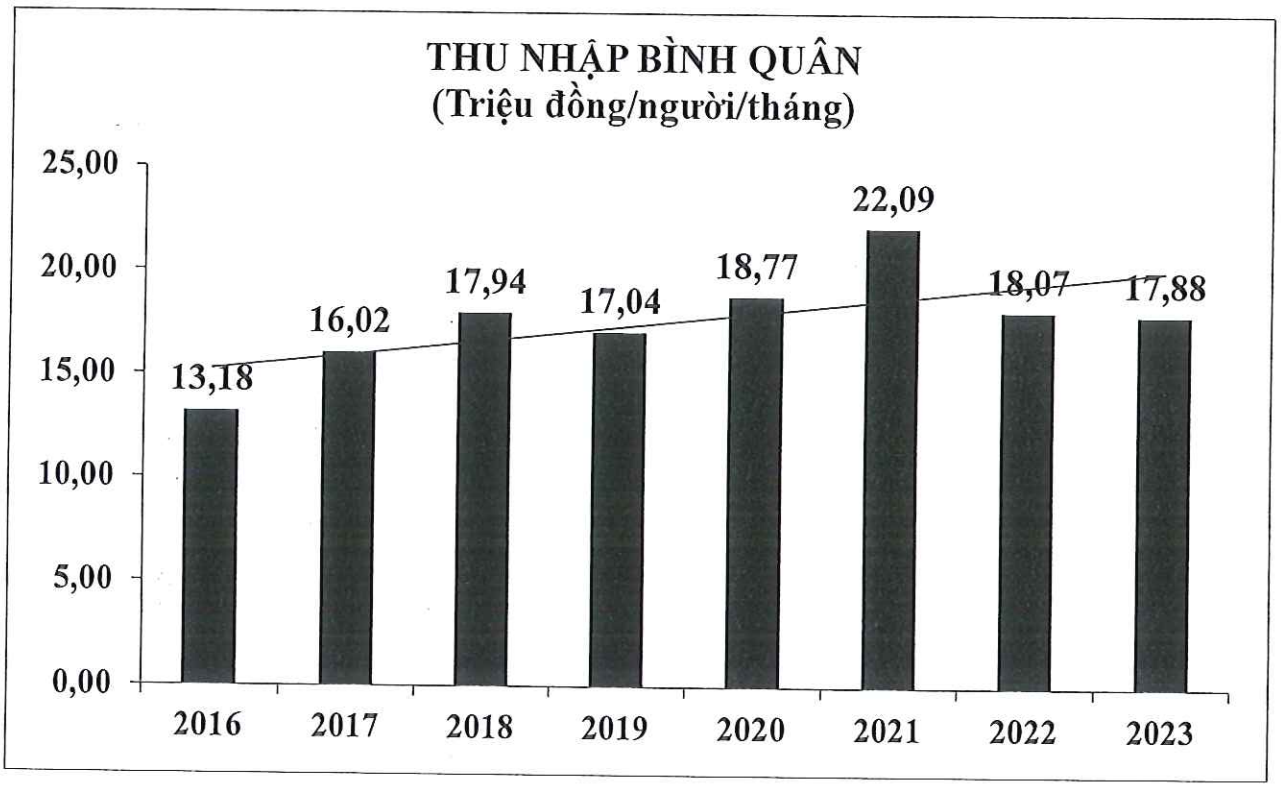

– Công tác Tài chính – Kế toán:

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị nội bộ và theo yêu cầu của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng khác.

+ Thường xuyên rà soát chi phí giá thành thường xuyên, cung cấp cho các phòng ban, phân xưởng để giúp sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả, đồng thời tính toán lượng tồn kho ở mức hợp lý nhất để tiết kiệm và giảm chi phí cho Công ty.

+ Thực hiện đầy đủ các báo cáo và công bố thông tin theo yêu cầu của các cơ quan chức năng như: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Công tác kỹ thuật và công nghệ:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện một số công tác kỹ thuật như sau:

+ Duy trì việc thu mua phế liệu chất lượng ổn định, tăng cường chế biến phục vụ phối liệu, giảm số lần nạp và thời gian nấu luyện lò EBT.

+ Công tác bảo trì, bảo dưỡng phòng ngừa thiết bị được kiểm tra giám sát thường xuyên, hàng tháng đánh giá xác nhận của chủ nhiệm thiết bị và đơn vị thực hiện kết quả công việc đã đăng ký trong danh mục để duy trì sản xuất liên tục, hạn chế các hư hỏng kéo dài, nâng cao hiệu suất hoạt động thiết bị.

+ Phối hợp tốt giữa sản xuất luyện – cán, thực hiện giải pháp điều chỉnh nước phun đúc liên tục vừa đủ, bảo ôn giảm mất mát nhiệt khi đúc liên tục, kết quả nhiệt độ thỏi cung cấp

cho cán đạt trên 970°C, duy trì tỷ lệ thỏi cán nóng 95%, sản xuất cán ổn định, giảm tiêu hao điện nung.

+ Tăng cường kiểm tra giám sát quá trình sản xuất, phát hiện bất thường xử lý kịp thời đảm bảo sản xuất ổn định, hiệu quả. Cải tiến thiết bị, hợp lý hóa các khâu, tiết giảm chi phí trong sản xuất, áp dụng mô hình sản xuất giờ thấp điểm để giảm chi phí điện năng trong điều kiện tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn.

+ Áp dụng các biện pháp giảm năng lượng: Phân bổ tải hợp lý nâng cao hiệu suất hoạt động các máy biến thế, thay các động cơ AC thành DC của PX. Cán, thay bóng đèn chiếu sáng cao áp bằng đèn Led để tiết kiệm điện. Nạp ủ liệu trong lò EBT, giữ nhiệt thùng rót… khi ngưng sản xuất để giảm mất nhiệt và giảm PLG sấy thùng khi sản xuất lại. Gắn time tự động tắt – mở đèn chiếu sáng khu vực hàng rào, nhà ăn tập thể, khu văn phòng. Hiệu chỉnh tụ bù, ghép nguồn để giảm bớt máy biến thế chạy không tải khi ngưng sản xuất…

+ Rà soát, cập nhật và xây dựng các quy trình, quy định, hướng dẫn công việc tạo điều kiện thuận lợi cho thao tác vận hành cho người lao động.

+ Rà soát xây dựng lại quy trình sản xuất và tìm giải pháp công nghệ thích ứng với liệu mỏng, nhẹ để đảm bảo sản xuất có hiệu quả trong điều kiện cạnh tranh gay gắt thu mua liệu.

2. Tổ chức và nhân sự

– **Danh sách Ban điều hành:**

2.1 Ông Huỳnh Công Du: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim; Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu; cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu).

2.2 Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 0 cổ phiếu).

2.3 Ông Hoàng Đức Hoa: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư cơ khí chế tạo máy.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu phổ thông.

2.5 Ông Trương Thị Kim Anh: Phụ trách kế toán Công ty

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 50 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 50 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 0 cổ phiếu).

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Ngày 03/4/2023: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Ngô Tiến Thọ (Lý do: Chuyển công tác).

+ Ngày 20/10/2023 Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Thanh Hùng (Lý do: Chuyển công tác).

+ Ngày 20/10/2023: Bổ nhiệm chức danh phụ trách kế toán đối với Bà Trương Thị Kim Anh.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2023 là: 310 người.

- Chính sách đối với người lao động: Mặc dù sản lượng bị sụt giảm nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì các chế độ phúc lợi cho Người lao động, điển hình như sau: Thực hiện đầy đủ các chế độ có liên quan cho người lao động như: Đồng phục 5.000.000 đồng/người, nghỉ mát: 4.000.000 đồng/người, mua bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp cho Người lao động, nâng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho Người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm theo quy định mới của Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBHXH... .

3. Tình hình đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

- Công tác đầu tư: Không có.

- Công tác sửa chữa lớn: Trong năm 2023, Công ty thực hiện một số hạng mục sửa chữa lớn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Hạng mục	KH SCL (chưa VAT)	Quyết toán (chưa VAT)	Chênh lệch QT và KH
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1	Bộ điều khiển động cơ 300KW máy cán K18-K19 (Chỉ làm K19)	800	235	-565
2	Tủ điều khiển động cơ 300KW	600	Không thực hiện	
3	Khung đỡ Rinky hệ thống cấp nước máy cán	425	299	-126
4	Máy cắt hợp bộ 24KV - 2000A trạm 110KV	800	Không thực hiện	
5	Máy cắt hợp bộ 24KV - 2000A trạm 22KV	600	Không thực hiện	
6	Máy làm lạnh không khí 5000m3	550	Không thực hiện	
7	Nạo vét sửa chữa hệ thống mương cấp nước	375	373	-2
8	Chống dột nhà xưởng sản xuất	900	872	-28
9	Chống dột kho vật tư, kho thành phẩm	350	348	-2
10	Sửa chữa đường nội bộ, nền khu vực để thoi	450	425	-25
11	Tháp giải nhiệt hệ thống xử lý khí thải	1.400	1.395	-5
12	Sửa chữa ống ngang D1700 trước tháp giải nhiệt	570	567	-3
13	Đường dây 3x240mm2 cấp nguồn máy ĐLT	300	299	-1

14	Sửa chữa nắp lò EBT	200	196	-4
15	Sàn thao tác lò EBT & đà sàn đỡ máy rung khuôn ĐLT	300	166	-134
16	Hệ thống tự động nước phun ĐLT	850	Không thực hiện	
	Tổng cộng	**9.470**	**5.175**	**-895**

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK / ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	**TỔNG TÀI SẢN**	**282.650**	**371.443**	**(88.793)**	**-23,90%**
I	**Tài sản ngắn hạn**	**244.345**	**314.184**	**(69.839)**	**-22,23%**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	18.370	19.155	(785)	-4,10%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
3	Các khoản phải thu	55.223	97.350	(42.127)	-43,27%
4	Hàng tồn kho	168.211	195.727	(27.516)	-14,06%
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.541	1.952	589	30,17%
II	**Tài sản dài hạn**	**38.305**	**57.259**	**(18.954)**	**-33,10%**
1	Phải thu dài hạn				
2	Tài sản cố định hữu hình	28.066	42.232	(14.166)	-33,54%
3	Tài sản dỡ dang dài hạn	576	576	0	
4	Tài sản dài hạn khác	9.663	14.451	(4.788)	-33,13%
B	**TỔNG NGUỒN VỐN**	**282,650**	**371.443**	**(88.793)**	**-23,90%**
I	**Nợ phải trả**	**90.456**	**186.540**	**(96.084)**	**-51,51%**
1	Nợ ngắn hạn	90.456	186.540	(96.084)	-51,51%
2	Nợ dài hạn				
II	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**192,194**	**184.903**	**7.291**	**3,94%**
1	Vốn chủ sở hữu	192.194	184.903	7.291	3,94%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác				

b. Chỉ số tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,55%	15,42%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,45%	84,58%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	32,00%	50,22%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,00%	49,78%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,84	0,64
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,70	1,68
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,42%	-0,25%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	2,58%	-1,59%

9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,79%	-3,19%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	480	(388)

Nhận xét:

- Tỉ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm, tương ứng với tỉ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng, nguyên nhân do tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn so với cùng kỳ đều giảm nhưng tài sản dài hạn giảm nhiều hơn.

- Tỉ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm, tương ứng với tỉ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng, chủ yếu do khoản vay ngắn hạn NH giảm từ 152.333 triệu đồng xuống còn 49.285 triệu đồng.

- Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành tăng, chủ yếu do khoản nợ ngắn hạn giảm.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu đều tăng, chủ yếu do lợi nhuận tăng.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu so với cùng kỳ tăng, do lợi nhuận tăng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu *(Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 08/3/2023):*

a. *Cổ phần*: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông. *Trong đó:*

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 5.315.447 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 9.871.875 cổ phiếu.

b. *Cơ cấu cổ đông:*

- **Cổ đông trong nước: 13.960.060 CP Tỷ lệ: 91,92%**
  - *Cổ đông Nhà nước: 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,00%*
  - *Cổ đông tổ chức: 1.152.901 CP Tỷ lệ: 7,59%*
  - *Cổ đông cá nhân: 2.935.284 CP Tỷ lệ: 19,33%*
- **Cổ đông nước ngoài: 1.227.262 CP Tỷ lệ: 8,08%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động đến môi trường:

- Thực hiện tốt công tác quản lý môi trường Công ty đã được UBND Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước. Tổ chức chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đặc điểm tình hình: Năm 2023 có thể nói là năm khó khăn đối với ngành thép:

- Thị trường thế giới: Do ảnh hưởng của các cuộc xung đột địa chính trị nên kinh tế toàn cầu suy giảm từ quý III/2022 đến nay. Lãi suất và lạm phát liên tục tăng cao từ nửa cuối năm 2022 đến quý III/2023, đến cuối năm 2023 có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức 3% trong năm 2023 và dự báo tiếp tục giảm xuống 2,9% trong năm 2024, đây là mức tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong trong nhiều thập kỷ. Chính sách tiền tệ thắt chặt đã tác động mạnh đến các doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu, trong đó có lĩnh vực tiêu dùng thép. Tính bình quân hầu hết các mặt hàng thép trong năm 2023 đều giảm từ 13-19% so với năm 2022.

- Thị trường trong nước: Năm 2023 là năm vô cùng khó khăn đối với ngành thép Việt Nam với sản lượng và hiệu quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong nước đều thấp và giảm so với năm 2022. Việc các ngân hàng thắt chặt tín dụng trong lĩnh vực bất động sản, Chính phủ tăng cường quản lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và việc khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng… đã ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ thép trong nước. Giá bình quân các mặt hàng trên thị trường thép nội địa giảm mạnh so với năm 2022. Vào 2 tháng cuối năm sản lượng tiêu thụ có cải thiện, tuy nhiên chủ yếu chuyển từ kho nhà sản xuất sang nhà thương mại với mục đích tích trữ tồn kho và đón xu hướng, còn nhu cầu tiêu thụ vẫn rất yếu. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh hơn giá thép thành phẩm nên cơ hội cải thiện lợi nhuận không đáng kể.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023: Lợi nhuận sau thuế TNDN 7,291 tỷ đồng. Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2023 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước suy thoái do nhiều yếu tố khách quan, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng đạt được lợi nhuận tương đối, duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường và đảm bảo việc làm, thu nhập cho Người lao động. Tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL quyết tâm cùng đoàn cùng đoàn kết vượt qua khó khăn, phấn đấu sẽ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ và lợi nhuận năm 2024.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

- Tài sản tính đến cuối năm 2023 giảm 88,793 tỷ đồng (giảm 23,90%). Tài sản ngắn hạn giảm 69,839 tỷ đồng (giảm 22,23%); Tài sản dài hạn giảm 18,954 tỷ đồng (giảm 33,10%).

- So với cùng kỳ, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng lên. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị hàng tồn kho giảm và phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm.

- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 27,516 tỷ đồng (giảm 14,06%), chủ yếu do giảm tồn kho thép phế liệu, vật liệu phụ, phụ tùng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả cuối năm 2023 là 90,456 tỷ đồng: Giảm so với đầu kỳ là 96,084 tỷ đồng (giảm 51,51%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2023 giảm so với đầu năm (giảm 103,048 tỷ đồng).

- Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Khoản đóng góp ngân sách năm 2023: Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 24,457 tỷ đồng. *Trong đó: Thuế GTGT = 20,846 tỷ đồng; Thuế TNDN = 1,367 tỷ đồng; Thuế TNCN = 2,069 tỷ đồng;....*

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.

- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị, quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và lượng phế liệu tồn kho ngày 31/12/2023 là 6.074 tấn.

- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.

- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

+ Sản xuất phôi thép: 120.000 tấn

+ Sản xuất và tiêu thụ thép cán: 95.000 tấn

+ Doanh thu: 1.552 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 8,00 tỷ đồng

- Việc di dời Công ty:

Ngày 22/02/2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ tại phường An Bình, TP. Biên Hòa. Do Công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên Công ty phải di dời nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1.

Theo Công văn số 5806/SKHĐT-KTĐN ngày 07/12/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai về thời gian thực hiện di dời các Doanh nghiệp trong KCN Biên Hòa 1 và Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I thành Khu đô thị - Thương mại – Dịch vụ và cải thiện môi trường. Theo đó, Công ty nằm trong diện di dời giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025. Công ty đang xây dựng dự thảo phương án di dời để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, cũng như đề xuất ý kiến về việc cho giãn thời gian di dời phù hợp tình hình thực tế tại Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý môi trường như: Chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định. Công ty đã triển khai trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung

tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường. Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng để định kỳ xử lý.

- Định kỳ Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động. Các chính sách về lương, thưởng chi trả cho người lao động theo đúng quy định và thỏa ước lao động được ký. Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc trích nộp BHXH cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hàng năm cho người lao động.

- Công ty tham gia đóng góp đầy đủ các hoạt động do địa phương phát động như: Chăm lo tết cho người có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ trẻ em nghèo hiếu học, ủng hộ hội người mù, hỗ trợ thăm hỏi gia định chính sách người có công tại địa phương...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.

- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Trong năm, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát, để đảm bảo công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Năm 2023, thị trường thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn, do vậy kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2023 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung của thị trường, HĐQT Công ty đã nỗ lực và chủ động đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp để duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường và đảm bảo việc làm, thu nhập cho Người lao động.

2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, HĐQT Công ty có kế hoạch đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật và cập nhật kế hoạch đầu tư di dời KCN, để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc theo đúng định hướng phát triển Công ty để mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú

1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Sơn)	3.796.875	25 %	Chủ tịch HĐQT
2	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Huỳnh Công Du)	2.278.125	15 %	TV HĐQT, TGĐ
3	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thoan)	2.278.125	15 %	TV HĐQT
4	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	TV HĐQT
5	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	TV HĐQT

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị điều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	4	4/4
2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT	4	4/4
3	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	4	4/4
4	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT	4	4/4
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	4	4/4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-VCA	06/02/2023	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý I/2023.	100%
2	02/NQ-HĐQT-VCA	06/02/2023	Nghị quyết vv Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	100%
3	05/NQ-HĐQT-VCA	10/04/2023	Nghị quyết vv Bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Sơn – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép VICASA – VNSTEEL.	100%
4	06/NQ-HĐQT-VCA	10/04/2023	Nghị quyết vv Bổ nhiệm Ông Huỳnh Công Du – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thép VICASA – VNSTEEL.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	07/NQ-HĐQT-VCA	21/04/2023	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý II/2023.	100%
6	08/NQ-HĐQT-VCA	18/07/2023	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý III/2023	100%
7	09/NQ-HĐQT-VCA	11/10/2023:	Nghị quyết HĐQT về Nhân sự Kế toán trưởng; Người phụ trách quản trị Công ty	100%
8	10/NQ-HĐQT-VCA	11/10/2023	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý IV/2023	100%
9	01/QĐ-HĐQT-VCA	06/01/2023	Ban hành Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2023.	100%
10	02/QĐ-HĐQT-VCA	06/02/2023	Phê duyệt kế hoạch SCL, PTTT, mua sắm năm 2023.	100%
11	03/QĐ-HĐQT-VCA	10/03/2023	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và thành lập ban tổ chức đại hội.	100%
12	04/QĐ-HĐQT-VCA	31/03/2023	Quyết định chi trả thù lao HĐQT, BKS Quý IV/2022.	100%
13	05/QĐ-HĐQT-VCA	03/04/2023	Quyết định miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Ông Ngô Tiến Thọ.	100%
14	06/QĐ-HĐQT-VCA	11/04/2023	Quyết định khen thưởng Ban tổ chức ĐHĐCĐ năm 2023.	100%
15	07/QĐ-HĐQT-VCA	11/04/2023	Quyết định phân công nhiệm vụ Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
16	08/QĐ-HĐQT-VCA	08/05/2023	Quyết định chi trả thù lao HĐQT, BKS Quý I/2023.	100%
17	16/QĐ-HĐQT-VCA	11/10/2023	Quyết định miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
18	17/QĐ-HĐQT-VCA	11/10/2023	Quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
19	18/QĐ-HĐQT-VCA	11/10/2023	Quyết định miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Thanh Hùng	100%
20	19/QĐ-HĐQT-VCA	11/10/2023	Quyết định bổ nhiệm Phụ trách kế toán đối với Bà Trương Thị Kim Anh	100%
21	20/QĐ-HĐQT-VCA	18/10/2023	Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Người được ủy quyền CBTT	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	21/QĐ-HĐQT-VCA	06/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn, phụ tùng thay thế, mua sắm năm 2024	100%

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị có 04 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Danh sách như sau:

+ Ông Nguyễn Xuân Sơn Chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Bảo Giang Thành viên HĐQT

- Hội đồng quản trị có 01 thành viên điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc

d) Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2023 sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Phước Hải	0	0,0000%	Trưởng Ban
2	Đặng Minh Đức	0	0,0000%	Ủy viên
3	Nguyễn Bạch Đường	1.462	0,0096%	Ủy viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023 Ban kiểm soát đã tham gia 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp BKS để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2023 bao gồm:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến và kiến nghị trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo điều lệ qui định.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch quí 4 và năm 2023;

- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh quí 4 và năm 2023 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư XDCB và sửa chữa lớn quí 4 và năm 2023;

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quí 4 và năm 2023 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

e) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thu nhập, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2023 (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	590.402.000		590.402.000
2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	619.950.000		619.950.000
3	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	492.231.000		492.231.000
4	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT		48.000.000	48.000.000
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT		48.000.000	48.000.000
6	Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	517.213.000		517.213.000
7	Ngô Tiến Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/4/2023)	192.023.857		192.023.857
8	Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc	496.050.000		496.050.000
9	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 20/10/2023)	397.373.000		397.373.000
10	Trương Thị Kim Anh	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 20/10/2023)	337.091.000	36.000.000	373.091.000
11	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban	432.781.125	0	432.781.125
12	Hồ Duy Khải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	322.076.250	18.000.000	340.076.250

13	Nguyễn Bạch Đường	Thành viên	322.985.646	36.000.000	358.985.646
14	Đặng Minh Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/04/2023)	-	18.000.000	18.000.000
	Tổng cộng		**4.720.176.878**	**204.000.000**	**4.924.176.878**

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về việc công bố thông tin, xây dựng Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty theo quy định. Công ty đã cập nhật những thay đổi để thực hiện điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản trị theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết.

VI. Báo cáo Tài chính năm 2023:

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

Kiểm toán viên: **Đào Trung Thành** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4700-2024-002-1) đã ký.

Phó Tổng Giám đốc: **Ngô Minh Quý** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2434-2023-002-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2023:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023:

(Đơn vị tính : Việt Nam Đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**244.345.089.965**	**314.184.150.075**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.1**	**18.369.443.481**	**19.154.703.046**
1. Tiền	111		18.369.443.481	19.154.703.046
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**VI.2**		
III. Các khoản phải thu	**130**		**55.223.076.790**	**97.350.090.046**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	54.106.027.951	96.180.999.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	925.164.047	1.089.045.788
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	191.884.792	110.044.800

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(30.000.000)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**VI.7**	**168.211.256.498**	**195.726.952.348**
1. Hàng tồn kho	141		168.211.256.498	195.726.952.348
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.541.313.196**	**1.952.404.635**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2.541.313.196	1.952.404.635
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**38.305.147.177**	**57.259.088.583**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
II. Tài sản cố định	**220**		**28.065.770.561**	**42.232.113.946**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	28.065.770.561	42.232.113.946
- Nguyên giá	222		392.819.715.852	397.611.981.887
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(364.753.945.291)	(355.379.867.941)
III. Bất động sản đầu tư	**230**			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**575.983.500**	**575.983.500**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	575.983.500	575.983.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.663.393.116**	**14.450.991.137**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	9.663.393.116	14.450.991.137
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**282.650.237.142**	**371.443.238.658**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**90.455.887.467**	**186.540.019.917**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**90.455.887.467**	**186.540.019.917**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	5.971.672.723	3.087.143.611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.344.817.076	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	2.684.970.518	6.881.982.580
4. Phải trả người lao động	314		17.211.833.265	17.030.926.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	4.941.113.921	4.560.715.534
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.314.224.950	1.978.943.343
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	49.285.520.014	152.333.122.748
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23	4.701.735.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			667.185.629
II. Nợ dài hạn	**330**			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**192.194.349.675**	**184.903.218.741**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**VI.25**	**192.194.349.675**	**184.903.218.741**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380

8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.880.239.295	(2.410.891.639)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.410.891.639)	3.488.812.182
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.291.130.934	(5.899.703.821)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	**440**		**282.650.237.142**	**371.443.238.658**

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2023	NĂM 2022
	1	2	3	4	5
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	VII.1	1.726.954.696.995	2.337.977.763.437
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)**	02	VII.2	1.992.040.722	2.768.679.093
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		*1.992.040.722*	*2.659.675.516*
2.2	- Giảm giá hàng hoá	05		-	-
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		-	*109.003.577*
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	10		1.724.962.656.273	2.335.209.084.344
4	**Giá vốn hàng bán**	11	VII.3	1.668.538.536.099	2.301.906.838.653
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	20		56.424.120.174	33.302.245.691
6	**Doanh thu hoạt động tài chính**	21	VII.4	233.522.045	1.020.238.705
7	**Chi phí tài chính**	22	VII.5	8.898.768.163	13.385.435.145
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.809.249.504*	*13.174.593.796*
8	**Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**	24		-	-
9	**Chi phí bán hàng**	25	VII.8.b	14.414.018.713	17.844.481.441
10	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	VII.8.a	24.492.876.587	7.487.521.907
11	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}**	30		8.851.978.756	(4.394.954.097)
12	**Thu nhập khác**	31	VII.6	90.206.667	114.381.000
13	**Chi phí khác**	32	VII.7	-	696.212.229
14	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	40		90.206.667	(581.831.229)
15	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	50		8.942.185.423	(4.976.785.326)
16	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)**	51	VII.10	1.651.054.489	922.918.495
17	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	52		-	-

18	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	60		7.291.130.934	(5.899.703.821)
19	**Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ**	61			
20	**Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát**	62			
21	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70		480	(388)
22	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	71			

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được đăng tải trên Website www.vicasasteel.com

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2023 của: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL; Mã chứng khoán: VCA**

Trân trọng.

Biên Hòa, ngày 09 tháng 3 năm 2024

Thay mặt Ban điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK HCM;
- Lưu HĐQT.

Huỳnh Công Du